

Hoàn thiện quy định về tội che giấu tội phạm

Lê Thanh Vũ¹, Lâm Bá Khánh Toàn^{2,*}



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xác định trách nhiệm mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia phòng, chống tội phạm. Bên cạnh việc giáo dục ý thức chấp hành pháp luật thì hoạt động đấu tranh chống tội phạm cũng cần sự đóng góp không nhỏ của mọi công dân trong hoạt động tố giác tội phạm. Theo đó, pháp luật hình sự cũng quy định những trường hợp che giấu tội phạm mà chủ thể không phải chịu trách nhiệm hình sự là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội. Quy định hiện hành không chỉ xác định mối quan hệ đặc biệt giữa người che giấu và người được che giấu mà còn giới hạn loại tội được che giấu để thể hiện tính nhân văn, phù hợp với truyền thống đạo đức của nước ta.

Tuy nhiên, quy định về tội che giấu tội phạm vẫn cần bổ sung một số trường hợp có mối quan hệ với người được che giấu không phải chịu trách nhiệm hình sự. Thêm vào đó, dấu hiệu định khung hình phạt tăng nặng của tội phạm này vẫn chưa có hướng dẫn chính thức dẫn đến quá trình xét xử thực tế chưa có sự áp dụng thống nhất. Trong phạm vi bài viết này, nhóm tác giả tập trung phân tích các bất cập, hạn chế trong thực tiễn áp dụng quy định tại Điều 389 Bộ luật Hình sự năm 2015 từ đó đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật hình sự về tội che giấu tội phạm trong thời gian tới.

Từ khóa: Che giấu tội phạm, dấu hiệu định khung, người thân thích

1 GIỚI THIỆU

Trong Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS), tội che giấu tội phạm được quy định trong chương Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp. Loại tội phạm này đã xâm phạm đến hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như cản trở quá trình phát hiện, điều tra cũng như chứng minh tội phạm. Đặc biệt loại tội phạm này đã xâm phạm nguyên tắc: “Mọi hành vi phạm tội do người thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật” được quy định tại Điều 3 BLHS. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 BLHS, hành vi che giấu tội phạm được hiểu là “hành vi che giấu người phạm tội, che giấu dấu vết, tang vật của tội phạm hoặc là hành vi khác cản trở việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội”. Có thể hiểu hành vi che giấu phạm tội được thực hiện dưới các dạng sau:

- Hành vi che giấu người phạm tội: là hành vi giấu đi, không để lộ ra ngoài cho người khác biết về người phạm tội hoặc dùng mọi thủ đoạn để cản trở việc phát hiện hoặc có hành vi bao che người phạm tội trước hoạt động điều tra tội phạm của các cơ quan chức năng. Hành vi này được thực hiện qua các hoạt động cụ thể như tạo cơ hội, điều kiện để người phạm tội lẩn trốn, cho mượn nơi ở, phương tiện, công cụ, thiết bị hỗ trợ để người phạm tội lẩn trốn sau khi thực hiện tội phạm.

- Hành vi che giấu dấu vết, tang vật của tội phạm: là hành vi xóa, tiêu hủy các dấu vết hay giấu đi, tiêu hủy, hủy bỏ các vật, tiền, hàng hóa hoặc các công cụ, phương tiện phạm tội liên quan trực tiếp đến quá trình phạm tội. Các dấu vết, tang vật này là chứng cứ quan trọng, quyết định việc phát hiện, điều tra hành vi phạm tội của người được che giấu. Các hành vi che giấu dấu vết được thực hiện như lau dọn hiện trường vụ án, rửa sạch sẽ các công cụ, phương tiện gây án như dao, kéo, xe cộ... nhằm mục đích xóa bỏ các dấu vết mà người phạm tội đã để lại để tác động, ảnh hưởng theo hướng bất lợi cho quá trình điều tra tội phạm. Còn che giấu tang vật là làm mất, tiêu hủy các vật là công cụ, phương tiện phạm tội có ý nghĩa trong việc phát hiện, điều tra tội phạm hay những vật là đối tượng của tội phạm, tiền và các vật khác có giá trị chứng minh tội phạm cũng như người phạm tội. Bên cạnh hành vi che giấu, hành vi khách quan của loại tội phạm còn có thể là hành vi khác cản trở việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội. Đó có thể là những hành vi như hành vi cung cấp thông tin giả để đánh lạc hướng điều tra, ngụy tạo ra các chứng cứ, dấu vết giả để che giấu hành vi tội phạm, gây mất điện hoặc các hành vi khác để ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình khám nghiệm hiện trường...¹

Chủ thể của tội che giấu tội phạm được quy định là chủ thể bình thường, tức người đủ tuổi chịu trách

¹Công an tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

²Đại học Cần Thơ, Việt Nam

Liên hệ

Lâm Bá Khánh Toàn, Đại học Cần Thơ, Việt Nam

Email: lbktoan@ctu.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 27-12-2023
- Ngày sửa đổi: 18-7-2024
- Ngày chấp nhận: 29-8-2024
- Ngày đăng:

DOI:



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Vũ L T, Toàn L B K. Hoàn thiện quy định về tội che giấu tội phạm. *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.* 2024; ():1-5.

55 nhiệm hình sự theo quy định của BLHS và không
 56 thuộc trường hợp trong tình trạng không có năng lực
 57 trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 21 BLHS.
 58 Các dấu hiệu pháp lý của tội che giấu tội phạm được
 59 thể hiện trong hai khoản của Điều 389 BLHS, trong
 60 đó, khoản 1 quy định các dấu hiệu định tội và khoản
 61 2 quy định các dấu hiệu định khung hình phạt tăng
 62 nặng của tội này.²
 63 Trong thực tiễn áp dụng quy định về tội che giấu tội
 64 phạm cho thấy vẫn còn thiếu sót trong việc quy định
 65 các trường hợp không phải chịu trách nhiệm hình sự
 66 về hành vi này. Ngoài ra, dấu hiệu định khung hình
 67 phạt tăng nặng “*lợi dụng chức vụ, quyền hạn*” hiện vẫn
 68 chưa có hướng dẫn chính thức để áp dụng thống nhất.
 69

70 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

71 Phương pháp nghiên cứu chủ yếu được sử dụng
 72 trong bài viết này là phương pháp phân tích luật học.
 73 Phương pháp này được sử dụng để phân tích các quy
 74 định pháp luật hình sự hiện hành cũng như các quy
 75 định có liên quan, từ đó đưa ra những nhận định,
 76 đánh giá về quy định pháp luật về tội che giấu tội
 77 phạm. Bên cạnh đó, phương pháp tổng hợp và so sánh
 78 cũng được nhóm tác giả sử dụng để minh chứng cho
 79 các phân tích, đánh giá để đưa ra đề xuất hoàn thiện
 80 pháp luật một cách khách quan và khoa học.

81 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

82 Các trường hợp không phải chịu trách 83 nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm

84 Khoản 1 Điều 389 BLHS quy định dấu hiệu “*nếu*
 85 *không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18*
 86 *của Bộ luật này*”. Thực chất trường hợp quy định tại
 87 khoản 2 Điều 18 BLHS cũng là trường hợp che giấu
 88 tội phạm nhưng được loại trừ trách nhiệm hình sự do
 89 mối quan hệ đặc biệt thân thiết giữa người che giấu
 90 với người được che giấu. Theo đó, dấu hiệu trên được
 91 hiểu là dấu hiệu có liên quan đến chủ thể của tội phạm.
 92 Đây là dấu hiệu mới được bổ sung trong BLHS năm
 93 2015. Trước đó, dấu hiệu này chỉ được quy định ở tội
 94 không tố giác tội phạm.
 95 Dấu hiệu này xác định rõ những chủ thể không phải
 96 chịu trách nhiệm hình sự về hành vi “che giấu tội
 97 phạm” của họ. Dấu hiệu này không chỉ xác định mối
 98 quan hệ đặc biệt giữa người che giấu và người được
 99 che giấu mà còn giới hạn loại tội được che giấu.
 100 Về mối quan hệ đặc biệt giữa người che giấu và người
 101 được che giấu, tại Khoản 2 Điều 18 BLHS đã xác định
 102 mối quan hệ này là mối quan hệ giữa ông, bà với cháu;
 103 giữa cha, mẹ với con; giữa anh chị em ruột với nhau
 104 và giữa vợ với chồng. Các quan hệ đặc biệt trên đây
 105 cần được hiểu như sau:

- Ông, bà ở đây có thể hiểu là ông, bà nội hoặc ông, 106
 bà ngoại. 107
 - Cha, mẹ ở đây có thể là cha, mẹ đẻ hoặc cha, mẹ nuôi 108
 và như vậy, con có thể là con đẻ hoặc con nuôi. Trong 109
 trường hợp là cha, mẹ nuôi và con nuôi thì việc nhận 110
 con nuôi phải có đầy đủ thủ tục đúng với quy định của 111
 pháp luật về nuôi con nuôi. 112
 - Anh chị em ruột ở đây có thể là anh chị em có cùng 113
 cha và mẹ, anh chị em có cùng cha nhưng khác mẹ 114
 hoặc có cùng mẹ nhưng khác cha. 115
 - Vợ chồng ở đây phải là vợ chồng hợp pháp được quy 116
 định pháp luật về hôn nhân và gia đình công nhận. 117
 Đối với các trường hợp được xác định là hôn nhân 118
 thực tế cũng như không được pháp luật công nhận 119
 thì vẫn không thuộc trường hợp này. 120
 Quy định pháp luật hình sự Việt Nam không đề cập 121
 đến điều kiện những người này cần phải sống chung 122
 với nhau hay phải có mối quan hệ thường xuyên qua 123
 lại với nhau mà chỉ cần xác định giữa họ có quan hệ 124
 huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng. Nếu có những 125
 nghi ngờ về quan hệ huyết thống, nuôi dưỡng hoặc 126
 hôn nhân thì cần phải trưng cầu giám định quan hệ 127
 huyết thống hay xác minh quan hệ nuôi dưỡng hoặc 128
 quan hệ hôn nhân. 129
 Việc quy định những trường hợp che giấu tội phạm 130
 mà chủ thể không phải chịu trách nhiệm hình sự thể 131
 hiện tính nhân văn của pháp luật Việt Nam, phù hợp 132
 với chuẩn mực đạo đức và thực tế trong xã hội. Đối 133
 với những người có quan hệ đặc biệt với nhau như vậy, 134
 việc họ che giấu tội phạm cho nhau là điều dễ hiểu, 135
 thậm chí còn phù hợp với chuẩn mực đạo đức của một 136
 số người. Điều này chủ yếu xuất phát từ chuẩn mực 137
 đạo đức, tư duy về mối quan hệ gia đình vốn được 138
 xem là đạo lý truyền thống trong gia đình Việt Nam. 139
 Liên quan đến việc trường hợp không phải chịu trách 140
 nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm thì tại Điều 141
 167 Luật hình sự Đài Loan (Trung Quốc) quy định 142
 vợ, chồng, người có quan hệ huyết thống phạm vi năm 143
 đời, hoặc quan hệ huyết thống ở phạm vi ba đời qua 144
 hôn nhân nếu phạm tội che giấu tội phạm thì được 145
 giảm hoặc miễn hình phạt. Có thể thấy đối tượng 146
 không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội che giấu 147
 tội phạm Đài Loan (Trung Quốc) được mở rất rộng 148
 so với quy định pháp luật hình sự Việt Nam.³ 149
 Luật hình sự của Latvia quy định miễn trách nhiệm 150
 hình sự đối với che giấu tội phạm nghiêm trọng hoặc 151
 đặc biệt nghiêm trọng đối với những người có mối 152
 quan hệ như sau: đã đính hôn, vợ chồng, cha mẹ, con 153
 cái, anh chị em ruột, ông, bà và cháu cũng như người 154
 cùng chung sống trong một hộ gia đình.⁴ Như vậy, so 155
 sánh với pháp luật Việt Nam, thì pháp luật của Latvia 156
 còn quy định thêm trường hợp hôn phu hoặc hôn thê 157
 và người sống chung trong một hộ gia đình của người 158

159 phạm tội cũng được miễn trách nhiệm đối với hành
 160 vi che giấu tội phạm.
 161 Có thể thấy, pháp luật Việt Nam cũng như một số
 162 quốc gia quy định người che giấu tội phạm không
 163 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm
 164 trong trường hợp có quan hệ thân thích trên đây là để
 165 dung hòa xung đột giữa nghĩa vụ pháp lý (không được
 166 che giấu tội phạm) với nghĩa vụ đạo đức (giúp người
 167 thân thích). Tuy nhiên, sự dung hòa này cũng có giới
 168 hạn. Khi tội phạm được che giấu là các tội xâm phạm
 169 an ninh quốc gia hoặc là tội phạm đặc biệt nghiêm
 170 trọng nhất định thì nghĩa vụ pháp lý phải được đặt
 171 trên nghĩa vụ đạo đức. Do vậy, các trường trên không
 172 thể loại trừ trách nhiệm hình sự cho hành vi che giấu
 173 tội phạm.
 174 Việc loại trừ trách nhiệm hình sự đã nêu là có cơ sở
 175 và cần thiết. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy
 176 cần phải mở rộng phạm vi những người được loại trừ
 177 trách nhiệm hình sự. Xét về tính bao quát, cần phải
 178 xem xét bổ sung các trường hợp “người thân thích
 179 khác” vào những người không phải chịu trách nhiệm
 180 hình sự về hành vi che giấu tội phạm để đảm bảo tính
 181 thống nhất với các ngành luật khác. Các trường hợp
 182 được liệt kê tại Điều 18 BLHS năm 2015 mới chỉ là
 183 các trường hợp có quan hệ huyết thống và quan hệ
 184 hôn nhân.
 185 Trong khi đó, theo truyền thống đạo đức, mối quan
 186 hệ gia đình của Việt Nam, còn có những mối quan
 187 hệ được hình thành bằng quan hệ hôn nhân kết hợp
 188 với quan hệ huyết thống. Cụ thể, những người có mối
 189 quan hệ thân thích khác chưa được Điều 18 BLHS để
 190 cập như “ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột
 191 của vợ hoặc chồng” của người phạm tội. Các quan hệ
 192 này vẫn được xác định rất gần gũi, mật thiết đối với
 193 những người đã lập gia đình. Đối với họ, xét về nghĩa
 194 vụ đạo đức, giữa nhóm người thân thích này và nhóm
 195 người thân thích đã được liệt kê tại khoản 2 Điều 18
 196 là không có sự khác nhau. Có thể vì lý do như vậy
 197 mà một số ngành luật của Việt Nam đã đề cập đến
 198 nhiều mối quan hệ thân thích như Luật hôn nhân gia
 199 đình, Luật Phòng, chống tham nhũng. Đặc biệt, trong
 200 pháp luật tố tụng hình sự, những “người thân thích”
 201 của các chủ thể tham gia tố tụng hay người có thẩm
 202 quyền tiến hành tố tụng lại được xác định rộng hơn.
 203 Cụ thể, theo BLTTHS năm 2015 xác định rõ “người
 204 thân thích” gồm:
 205 “- Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ,
 206 mẹ vợ, bố nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi;
 207 - Ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị
 208 ruột, em ruột;
 209 - Cụ nội, cụ ngoại, bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột,
 210 dì ruột, cháu ruột.”⁵

Theo đó, có tổng số 27 đối tượng được coi là “người
 211 thân thích của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng,
 212 người tham gia tố tụng”. Khi xác định có quan hệ
 213 “thân thích” với một trong số người trên thì “người có
 214 thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng
 215 phải từ chối hoặc bị đề nghị thay đổi khi tiến hành hoặc
 216 tham gia các hoạt động tố tụng hình sự”. Như vậy, có
 217 thể thấy BLTTHS xác định phạm vi những người có
 218 quan hệ thân thích, có khả năng ảnh hưởng đến tính
 219 khách quan trong quá trình tố tụng hình sự rất rộng,
 220 bao gồm cả người thân thích của vợ hoặc chồng.
 221 Do đó, xét về nội dung, nhóm tác giả nhận thấy, “ông
 222 bà, cha, mẹ, con, anh chị em ruột của vợ hoặc chồng của
 223 người phạm tội” là những người có mối quan hệ thân
 224 thích, gần gũi với vợ hoặc chồng mình và do vậy, xét
 225 về quan niệm gia đình của người Việt Nam thì cũng
 226 là những mối quan hệ mật thiết và gần gũi nhất khi
 227 một cá nhân đã kết hôn. Việc pháp luật hình sự chưa
 228 đề cập đến những trường hợp này có thể là một hạn
 229 chế vì chưa giải quyết triệt để xung đột giữa đạo đức
 230 và pháp luật cũng như chưa có sự thống nhất khi xác
 231 định các mối quan hệ thân thích giữa BLHS và BLT-
 232 THS.
 233 Ngoài ra, cũng cần khẳng định, hiện nay có nhiều văn
 234 bản quy phạm pháp luật có nội dung về “người thân
 235 thích” nhưng không có sự thống nhất với nhau. Việc
 236 nghiên cứu các văn bản có liên quan này có thể giúp
 237 cơ quan lập pháp có cái nhìn tổng thể và rút ra kết
 238 luận có tính hợp lý và thống nhất về phạm vi “người
 239 thân thích” trong từng lĩnh vực.
 240

Dấu hiệu định khung hình phạt tăng nặng “lợi dụng chức vụ, quyền hạn”

Khoản 2 Điều 389 quy định khung hình phạt có “mức
 243 phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”. Khung hình phạt được
 244 áp dụng cho trường hợp thỏa mãn một trong các dấu
 245 hiệu định khung hình phạt tăng nặng đã được quy
 246 định. Đó là dấu hiệu “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản
 247 trở việc phát hiện tội phạm” và dấu hiệu “Lợi dụng chức
 248 vụ, quyền hạn có những hành vi khác bao che người
 249 phạm tội”. Dấu hiệu này đòi hỏi chủ thể thực hiện
 250 hành vi che giấu tội phạm phải là người có chức vụ,
 251 quyền hạn và họ đã sử dụng “chức vụ, quyền hạn” của
 252 mình như là “phương tiện” để cản trở việc phát hiện
 253 tội phạm.
 254 Theo pháp luật hình sự, người có chức vụ được xác
 255 định theo Khoản 2 Điều 352 BLHS “là người do bổ
 256 nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức
 257 khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được
 258 giao thực hiện một nhiệm vụ nhất định và có quyền
 259 hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ”.
 260 Còn “người có quyền hạn là các cá nhân được cơ quan,
 261

262 cá nhân có thẩm quyền giao thực hiện một nhiệm vụ
 263 nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực
 264 hiện nhiệm vụ đó”. Người có quyền hạn có thể là một
 265 người trong lực lượng dân phòng, bảo vệ dân phố,
 266 trưởng khu vực, tổ trưởng tổ dân phố... được cơ quan,
 267 cá nhân có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ nhất
 268 định từ đó có một số quyền hạn nhất định để có thể
 269 thực hiện nhiệm vụ. Trong những “*người có chức vụ,*
 270 *quyền hạn*” nói chung có nhóm người có chức vụ,
 271 quyền hạn trong hoạt động tư pháp. Vấn đề được đặt
 272 ra ở đây, dấu hiệu “*chức vụ, quyền hạn*” được quy định
 273 tại khoản 2 của Điều 389 BLHS có phải chỉ giới hạn
 274 trong nhóm đối tượng có chức vụ, quyền hạn trong
 275 hoạt động tư pháp.
 276 Tội che giấu tội phạm được xếp trong chương Các tội
 277 xâm phạm hoạt động tư pháp nên đã có ý kiến cho
 278 rằng “*chức vụ, quyền hạn*” được quy định tại khoản 2
 279 của Điều 389 BLHS phải là chức vụ, quyền hạn trong
 280 hoạt động tư pháp nhưng cũng có ý kiến cho rằng,
 281 “*chức vụ, quyền hạn*” ở đây là chức vụ, quyền hạn nói
 282 chung theo quy định pháp luật⁶. Do đó, cần thống
 283 nhất trong cách hiểu về dấu hiệu định khung hình
 284 phạt tăng nặng “*lợi dụng chức vụ, quyền hạn*” để cản
 285 trở quá trình phát hiện tội phạm hoặc các hành vi khác
 286 nhằm bao che người phạm tội.
 287 Theo quan điểm của nhóm tác giả, cần hướng dẫn dấu
 288 hiệu “*lợi dụng chức vụ, quyền hạn*” được hiểu theo
 289 nghĩa rộng. Nghĩa là chủ thể được xác định thỏa dấu
 290 hiệu lợi dụng chức vụ, quyền hạn để che giấu tội phạm
 291 không chỉ là người có thẩm quyền trong hoạt động tư
 292 pháp mà là tất cả những người có chức vụ, quyền hạn
 293 nói chung. Cụ thể, tại pháp luật phòng chống tham
 294 nhũng xác định người có chức vụ, quyền hạn gồm:
 295 “a) *Cán bộ, công chức, viên chức;*
 296 *b) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc*
 297 *phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân;*
 298 *sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan*
 299 *chuyên môn - kỹ thuật trong cơ quan, đơn vị thuộc Công*
 300 *an nhân dân;*
 301 *c) Cán bộ lãnh đạo, quản lý trong doanh nghiệp của*
 302 *Nhà nước; cán bộ lãnh đạo, quản lý là người đại diện*
 303 *phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp;*
 304 *d) Người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ có*
 305 *quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó”⁷.*
 306 Như vậy, theo pháp luật hiện hành có bốn nhóm đối
 307 tượng được coi là người có chức vụ, quyền hạn. Các
 308 chủ thể trên có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn
 309 của mình để cản trở quá trình điều tra, phát hiện tội
 310 phạm sẽ thỏa mãn dấu hiệu “*Lợi dụng chức vụ, quyền*
 311 *hạn*” cản trở việc phát hiện tội phạm”. Thay vì sử dụng
 312 các quyền hạn có được từ chức vụ hoặc nhiệm vụ được
 313 giao để phục vụ lợi ích chung của nhà nước và xã hội
 314 thì họ đã lợi dụng “*quyền hạn*” này như là điều kiện

“*thuận lợi*” cho việc thực hiện hành vi che giấu tội
 phạm, gây khó khăn trở ngại, làm cho việc phát hiện
 tội phạm không tiến hành được dễ dàng, suôn sẻ.

THẢO LUẬN

318 Qua nghiên cứu, phân tích các quy định pháp luật,
 319 nhóm tác giả đã đưa ra một số đề xuất để hoàn thiện
 320 pháp luật về tội che giấu tội phạm. Cụ thể như sau:
 321 *Thứ nhất, bổ sung các trường hợp không phải chịu trách*
 322 *nhiệm hình sự về hành vi che giấu tại Khoản 2 Điều*
 323 *389 BLHS.* Theo đó cần bổ sung các trường hợp, trong
 324 đó người phạm tội (cũng như tội phạm họ thực hiện)
 325 được che giấu là ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em ruột
 326 của vợ hoặc chồng của người phạm tội. Như vậy, cần
 327 phải sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18 BLHS như sau:
 328 “*Người che giấu tội phạm là vợ hoặc chồng, ông, bà,*
 329 *cha mẹ, con, cháu, anh chị em ruột của người phạm*
 330 *tội hoặc của vợ hoặc chồng của người phạm tội không*
 331 *phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản*
 332 *1 Điều này, trừ trường hợp...”*

333 Việc bổ sung này không những cần thiết mà còn phù
 334 hợp với thực tế, giải quyết được đầy đủ hơn xung đột
 335 giữa nghĩa vụ đạo đức và nghĩa vụ pháp lý mà còn
 336 đảm bảo được tính thống nhất giữa pháp luật hình sự
 337 và pháp luật tố tụng hình sự.

338 *Thứ hai, đối với Điều 389 BLHS, cần quy định bổ sung*
 339 *khung hình phạt giảm nhẹ cho một số trường hợp có*
 340 *quan hệ thân thích khác ngoài quan hệ đã được xác*
 341 *định hình tại khoản 2 Điều 18 BLHS.* Đó là các trường
 342 hợp, trong đó người được che giấu là những người
 343 có quan hệ huyết thống trong phạm vi ba đời còn lại
 344 của người có hành vi che giấu tội phạm như bác ruột,
 345 chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột. Việc bổ sung này
 346 không chỉ là hoàn thiện thêm việc dung hòa xung đột
 347 giữa nghĩa vụ pháp lý và nghĩa vụ đạo đức mà còn
 348 tạo ra sự liên tục, là cầu nối giữa trường hợp có trách
 349 nhiệm hình sự và trường hợp không phải chịu trách
 350 nhiệm hình sự. Trong trường hợp không xem xét
 351 bổ sung khung hình phạt giảm nhẹ thì cần phải coi
 352 các trường hợp này là những tình tiết giảm nhẹ trách
 353 nhiệm sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

354 Có thể thấy việc quy định đầy đủ các trường hợp loại
 355 trừ hoặc được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với
 356 người có hành vi che giấu tội phạm sẽ giải quyết hài
 357 hòa giữa lợi ích cá nhân và xã hội, giữa những chuẩn
 358 mực đạo đức và các quy phạm pháp luật, tránh những
 359 xung đột trong quá trình chấp hành pháp luật hình sự.
 360 *Thứ ba, về dấu hiệu định khung “lợi dụng chức vụ,*
 361 *quyền hạn” để che giấu tội phạm.* Theo quan điểm
 362 của nhóm tác giả, cần hướng dẫn dấu hiệu “*lợi dụng*
 363 *chức vụ, quyền hạn*” cần được hiểu theo nghĩa rộng,
 364 tức gồm cả bốn nhóm đối tượng được coi là người có
 365 chức vụ, quyền hạn nói chung theo quy định của Luật
 366

367 phòng chống tham nhũng mà không giới hạn trong
 368 phạm vi các cơ quan tiến hành tố tụng như đã được
 369 trình bày ở trên. Các chủ thể này đã lợi dụng chức vụ,
 370 quyền hạn được giao để thực hiện hành vi che giấu tội
 371 phạm. Theo đó, “lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở
 372 việc phát hiện” và “hành vi khác bao che người phạm
 373 tội” cần được hiểu chung là lợi dụng chức vụ, quyền
 374 hạn che giấu tội phạm hay nói cách khác là chủ thể
 375 đã sử dụng chức vụ, quyền hạn của mình như là điều
 376 kiện để dễ dàng thực hiện hành vi che giấu tội phạm.
 377 Bên cạnh đó, cần xác định dấu hiệu “*chức vụ, quyền*
 378 *hạn trong hoạt động tư pháp*” được xem là tính tiết
 379 tăng nặng của loại tội phạm này. Bởi lẽ đây là các chủ
 380 thể được nhà nước trao quyền hạn, được bổ nhiệm các
 381 chức danh tư pháp để bảo vệ công lý, bảo vệ các quyền
 382 lợi của nhà nước, của các tổ chức xã hội và của công
 383 dân nhưng lại sử dụng chính nhiệm vụ, kiến thức, kỹ
 384 năng trong hoạt động tư pháp để che giấu tội phạm,
 385 đi ngược lại với chức vụ, quyền hạn được Nhà nước
 386 giao phó.

387 KẾT LUẬN

388 Qua nghiên cứu, nhóm tác giả nhận thấy việc bổ sung
 389 các trường hợp không phải chịu trách nhiệm hình sự
 390 về hành vi che giấu tại khoản 2 Điều 18 BLHS là cần
 391 thiết đáp ứng được yêu cầu hài hòa giữa nghĩa vụ pháp
 392 lý và nghĩa vụ đạo đức. Đồng thời, để phù hợp hơn
 393 với thực tế và đảm bảo tính thống nhất giữa BLHS
 394 và BLTTHS trong việc xác định nội hàm “người thân
 395 thích”, tác giả đề xuất bổ sung trường hợp che giấu
 396 tội phạm do ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em ruột của
 397 vợ hoặc chồng họ thực hiện cũng thuộc trường hợp
 398 không phải chịu trách nhiệm hình sự. Bên cạnh đó, để
 399 tạo sự “liên tục” giữa các trường hợp phải chịu trách
 400 nhiệm hình sự và không phải chịu trách nhiệm hình
 401 sự, cần bổ sung khung hình phạt giảm nhẹ cho một số
 402 trường hợp có quan hệ “thân thích khác” ngoài quan
 403 hệ đã được xác định hình tại khoản 2 Điều 18 BLHS
 404 của người có hành vi che giấu tội phạm. Đồng thời
 405 cần sớm hướng dẫn về dấu hiệu định khung “lợi dụng
 406 chức vụ, quyền hạn” để che giấu tội phạm để đảm bảo
 407 tính thống nhất trong quá trình áp dụng pháp luật của
 408 các cơ quan tiến hành tố tụng.

409 Các đề xuất về hoàn thiện quy định pháp luật, hướng
 410 dẫn áp dụng pháp luật về tội che giấu tội phạm trên có
 411 vẫn cần phải có những thảo luận, nghiên cứu, trao đổi
 412 thêm hướng tới quy định pháp luật về tội che giấu tội
 413 phạm một cách khoa học và hợp lý, hoạt động xét xử
 414 thực hiện một cách công khai, minh bạch và kịp thời
 415 đối với mọi hành vi phạm tội, không xảy ra tình trạng
 416 bỏ lọt tội phạm và đặc biệt là không làm oan người vô
 417 tội./

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS: Bộ luật Hình sự 418
 BLTTHS: Bộ luật Tố tụng hình sự 419
 420

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Nhóm tác giả xin cam đoan rằng không có bất kì xung
 422 đột lợi ích nào trong công bố bài báo. 423

TUYÊN BỐ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC TÁC GIẢ

- Tác giả Lê Thanh Vũ chịu trách nhiệm nội dung: 426
 phần giới thiệu, kết quả nghiên cứu, thảo luận và 427
 tổng quan toàn bộ bài viết. 428
- Tác giả Lâm Bá Khánh Toàn chịu trách nhiệm 429
 nội dung: phần phương pháp nghiên cứu, kết 430
 quả nghiên cứu, kết luận và là tác giả liên hệ 431
 chính với tạp chí trong việc đăng bài. 432

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên), Bình luận khoa học BLHS năm 434
 2015 – Phần các tội phạm, quyển 2, Hà Nội: Nxb. Tư pháp, 2018;. 435
2. Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;. 436
3. Trang cơ sở dữ pháp luật của Bộ Tư pháp - Đài Loan 437
 (Trung Quốc), Luật hình sự Đài Loan (Trung Quốc), [sửa đổi 438
 ngày 27/12/2023];Available from: [https://law.moj.gov.tw/ENG/](https://law.moj.gov.tw/ENG/LawClass/LawAll.aspx?pcode=C0000001) 439
[LawClass/LawAll.aspx?pcode=C0000001](https://law.moj.gov.tw/ENG/LawClass/LawAll.aspx?pcode=C0000001). 440
4. Điều 22 Luật hình sự của Latvia, [ban hành 1998, sửa 441
 đổi năm 2016];Available from: [http://www.alex-lawyer.lv/](http://www.alex-lawyer.lv/ugolovnijzakonlatviiirus.pdf) 442
[ugolovnijzakonlatviiirus.pdf](http://www.alex-lawyer.lv/ugolovnijzakonlatviiirus.pdf). 443
5. Khoản 1 Điều 4 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;. 444
6. Viện Khoa học pháp lý, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ: Đấu 445
 tranh phòng, chống các tội xâm phạm hoạt động tư pháp trong 446
 điều kiện cải cách tư pháp, 2012;. 447
7. Khoản 3 Điều 1 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;. 448

Complete provisions on criminal concealment

Le Thanh Vu¹, Lam Ba Khanh Toan^{2,*}



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

The 2015 Criminal Code, amended and supplemented in 2017, defines the responsibility of "All citizens must actively participate in crime prevention and fighting" In addition to raising awareness of the rule of law, anti-crime activities also require a significant contribution from individuals to contribute significantly. Accordingly, the criminal law also stipulates cases of concealment of crimes in which the subjects who are not criminally responsible if he/she is a grandparent, parent, child, niece/nephew, sibling, or spouse of the offender. Current regulations not only define the special relationship between the concealer and the concealed person, but also limit the type of concealed crime to show humanity and in accordance with our country's moral traditions.

However, the legal provisions for this crime are still need to be improved in some cases. Of who conceals the crime shall not bear criminal responsibility. Moreover, there is still no official guidance on the signs of aggravating the penalty framework, so that judicial practice is only sometimes applied. This paper addresses shortcomings in applying Article 389 of the 2015 Criminal Code and makes several recommendations on the issue in question.

Key words: Crime concealment, framing signs, relatives

¹Hau Giang Provincial Police, Vietnam

²Can Tho University, Vietnam

Correspondence

Lam Ba Khanh Toan, Can Tho University, Vietnam

Email: lbktoan@ctu.edu.vn

History

- Received: 27-12-2023
- Revised: 18-7-2024
- Accepted: 29-8-2024
- Published Online:

DOI :



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Vu L T, Toan L B K. Complete provisions on criminal concealment. *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.* 2024; ():1-1.